

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂY SƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST

Ngày: 19-5-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Nghị.
2. Ông Bùi Đức Thuận.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Nhữ Thập - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/DSST-QĐ ngày 27/4/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964 (có mặt);  
Địa chỉ: 45 D, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định.
2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt);  
Địa chỉ: 37 S, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định.
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Minh C, sinh năm 1956 (có đơn xin vắng mặt);  
Địa chỉ: 37 S, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Bà và bà Nguyễn Thị Thu N có quan hệ vay mượn tiền, bà N đã vay mượn tiền của bà vào các lần cụ thể như sau:

Ngày 10/7/2019 bà N vay 50.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, không có hạn thời gian trả nợ, có viết giấy mượn tiền và bà N ký xác nhận.

Ngày 23/7/2019 bà N vay 20.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, không có hạn thời gian trả nợ, có viết giấy mượn tiền và bà N ký xác nhận.

Ngày 18/01/2020 bà N vay 10.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, không có hạn thời gian trả nợ, có viết giấy mượn tiền và bà N ký xác nhận.

Tổng cộng bà N đã vay mượn của bà 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Bà đã đi lại đòi nợ nhiều lần nhưng bà N không chịu trả số tiền nói trên. Chính bà N là người trực tiếp mượn và nhận số tiền ở các lần vay tiền nói trên, số nợ trên không liên quan gì đến chồng của bà N.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu N phải trả dứt điểm một lần cho bà số tiền đã vay còn nợ là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm được tính từ ngày 30/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/5/2021).

Đối với khoản vay ngày 15/5/2019 với số tiền 20.000.000 đồng là chồng bà Nguyệt là ông Trần Minh C vay riêng chứ không liên quan gì đến bà N, khoản này ông C đã trả bà xong ngày 23/3/2021 (có viết giấy trả tiền) nên bà không yêu cầu giải quyết.

**Tại bản tự khai và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu N trình bày:**

Bà thống nhất như lời trình bày của bà Nguyễn Thị H về các lần vay mượn tiền cũng như số tiền đã vay, không có thỏa thuận lãi suất và không hạn thời gian trả nợ. Tổng cộng bà đã vay của bà H số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Số tiền này bà vay không liên quan gì đến chồng của bà. Bà xác định đây là nợ riêng của bà, cụ thể như sau:

Ngày 10/7/2019 bà vay 50.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, không có hạn thời gian trả nợ, có viết giấy mượn tiền và bà đã ký xác nhận.

Ngày 23/7/2019 bà vay 20.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, không có hạn thời gian trả nợ, có viết giấy mượn tiền và bà ký xác nhận.

Ngày 18/01/2020 bà vay 10.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, không có hạn thời gian trả nợ, có viết giấy mượn tiền và bà đã ký xác nhận.

Nay bà thống nhất số nợ trên và xin được trả dần cho bà H.

Đối với khoản vay ngày 15/5/2019 với số tiền 20.000.000 đồng là chồng bà ông Trần Minh C vay riêng chứ không liên quan gì đến bà, khoản này ông C đã trả cho bà H xong.

**Tại bản tự khai và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Minh C trình bày:**

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Thu N. Ngày 15/5/2019 ông có vay bà H 20.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, không có hạn thời gian trả nợ, có viết giấy mượn tiền. Khoản nợ này ông đã trả xong cho bà H vào ngày 23/3/2021 (có viết giấy trả tiền). Đối với khoản nợ của bà N nói trên ông không hay biết gì, là nợ riêng của bà N nên bà N có trách nhiệm tự trả, ông không liên quan gì đối với khoản nợ bà N đã vay của bà H. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

***Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến:***

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự đúng theo quy định. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

*-Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:*

Căn cứ các tài liệu thu thập, diễn biến công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 463, 466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H buộc bà Nguyễn Thị Thu N phải trả cho bà H số tiền còn nợ về khoản vay là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 30/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/4/2021) theo mức lãi suất là 10%/năm. Không chấp nhận yêu cầu của bà N xin trả dần số tiền nợ cho bà H vì bà H không chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu N hiện đang cư trú thị trấn P, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa: Bị đơn Nguyễn Thị Thu N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Minh C vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo lời trình bày của các đương sự cũng như các chứng cứ thu thập được, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đều xác định: Bà Nguyễn Thị Thu N có quan hệ vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị H vào các ngày 10/7/2019, 23/7/2019, 18/01/2020, tổng cộng số tiền bà Nguyệt vay bà H là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Hai bên có viết giấy mượn tiền, không hẹn thời hạn trả nợ. Bà N thừa nhận còn nợ tiền vay của bà H là 80.000.000 đồng nhưng chưa trả. Đây là tình tiết mà cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận. Căn cứ theo quy định tại Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự xác định đây là hợp đồng vay tài sản không thời hạn, không lãi.

[2.2] Về số tiền nợ: Bà Nguyễn Thị Thu N còn nợ bà Nguyễn Thị H số tiền 80.000.000 đồng, bà H đã đòi nhiều lần nhưng bà N vẫn chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015, nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cần buộc bà Nguyễn Thị Thu N có nghĩa vụ phải trả cho bà H số tiền 80.000.000 đồng về khoản nợ tiền vay vào năm 2019 và 2020 chưa thanh toán.

[2.3] Về lãi suất: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu N phải trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) với số tiền còn nợ, thời gian tính từ ngày 30/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/5/2021). Do hai bên đều không có thỏa thuận về mức lãi suất nên lãi suất bà H yêu cầu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nghị nên chấp nhận. Do vậy cần buộc bà N phải trả cho bà H số tiền lãi là :

$(80.000.000 \text{ đồng} \times 0,83 \%/\text{tháng} \times 04 \text{ tháng}) + (80.000.000 \text{ đồng} \times 0,027\%/\text{ngày} \times 19 \text{ ngày}) = 3.066.400 \text{ đồng}.$

Tổng cộng cần buộc buộc bà N phải trả cho bà H là 83.066.400 đồng (Tám mươi ba triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

[2.4] Đối với khoản nợ ông C vay của bà H: Ngày 15/5/2019 ông C có vay bà H 20.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, không có hẹn thời gian trả nợ, có viết giấy mượn tiền. Khoản nợ này ông đã trả xong cho bà H vào ngày 23/3/2021 (có viết giấy trả tiền), bà H cũng xác nhận ông C đã trả nợ xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần buộc bà Nguyễn Thị Thu N phải chịu án phí là:

$83.066.400 \text{ đồng} \times 5\% = 4.153.320 \text{ đồng}.$

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)

theo biên lai số 0004387 ngày 30/12/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn thu.

[4] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thu N phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 83.066.400 đồng (Tám mươi ba triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng); trong đó: tiền gốc là 80.000.000 đồng, tiền lãi là 3.066.400 đồng về khoản nợ tiền vay vào các ngày 10/7/2019, 23/7/2019 và 18/01/2020 chưa thanh toán.

3. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu N về việc xin trả nợ dần tiền gốc là không có căn cứ vì bà H không đồng ý.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Nguyễn Thị Thu N không thi hành hoặc thi hành chưa đầy đủ số tiền trên thì bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu N phải chịu án phí là 4.153.320 đồng ( Bốn triệu một trăm năm mươi ba nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004387 ngày 30/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Triều**